TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **199**/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2026

V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 216/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai V, sinh năm 2001.

Địa chỉ: A, ấp H, xó H, thành phố Đ (địa chỉ cũ: 11, ấp H, xó H, huyện T, tỉnh Đồng Nai).

- Bị đơn: Ông Bui Văn Tuấn A, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ C, khu phố D, phường T, thành phố Đ (địa chỉ cũ: Tổ C, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai).

(Bà V có đơn xin vắng mặt, ông Tuấn A vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bưi Văn Tuấn A tìm hiểu, tự nguyện chung sống và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhõn dõn phường T, thành phố Đ vào năm 2019, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 418/2019 ngày 25/10/2019. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hòa giải được nữa. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông Tuấn A.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Bưi Văn Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Tuấn A.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống hôn nhân của bà V, ông Tuấn A không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà V yêu cầu ly hôn với ông Tuấn A là có căn cứ. Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông Tuấn A nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Nguyễn Thị Mai V yêu cầu được ly hôn với ông Bưi Văn Tuấn A. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp ly hôn"; bà Nguyễn Thị Mai V là nguyên đơn, ông Bưi Văn Tuấn A là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện đang cư trú tại phường T, thành phố Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Tuấn A đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai V và ông Bưi Văn Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhõn dõn phường T, thành phố Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 418/2019 ngày 25/10/2019 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Từ khi vợ chồng bà kết hôn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng bất đồng, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Nay bà V xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông Tuấn A. Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông Tuấn A đến Tòa làm việc nhưng ông Tuấn A vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông Tuấn A không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà V. Qua kết quả xác minh tại Cung an phường T thể hiện nội dung: Ông Bưi Văn Tuấn A hiện vẫn đang sinh sống tại địa phương. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhõn dõn phường T thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn của bà V và ông Tuấn A.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông Tuấn A là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V, giải quyết cho bà V được ly hôn với ông Tuấn A là phù hợp.

[5] Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông Tuấn A nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[7] Về án phí: Bà V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai V. Bà Nguyễn Thị Mai V được ly hôn với ông Bùi Văn Tuấn A.

2. Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mai V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà V đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0011880 ngày 19/12/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà V đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- VKSNDKV1 - Đồng Nai;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy